



MAYA SCHOOL

TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ MAYA

Maya.edu.vn | Facebook.com/Maya.School

TUYỂN SINH: Admissions@mayaschool.edu.vn | 0971.58.8228 / 0971.58.8228

VĂN PHÒNG: Office@mayaschool.edu.vn | 0961.77.8228

MATHEMATICS

Exercise No 4 : Ôn tập cuối năm

Teacher : Nguyễn Thị Hậu

Bài 1. Trong các số: 82350, 82305, 82503, 8530. Số lớn nhất là:

- A. 82350 B. 82305 C. 82503 D. 8530

Bài 2. Giá trị của chữ số 7 trong số 57104 là

- A. 70 B. 700 C. 7000 D. 70 000

Bài 3. Châu có 10 000 đồng. Châu mua hai quyển vở, giá mỗi quyển vở là 4500 đồng.

Hỏi Châu còn lại bao nhiêu tiền?

- A. 5500 đồng B. 14500 đồng C. 1000 đồng D. 2000 đồng

Bài 4. Một mảnh đất hình vuông có cạnh 6cm . Diện tích mảnh đất đó là:

- A. 36cm^2 B. 24cm^2 C. 12cm^2 D. 30cm^2

Bài 5. Số liền trước của số 9999 là:

- A. 10000 B. 10001 C. 9998 D. 9997

Bài 6. $23\text{dm} = \dots \text{cm}$. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 23 cm B. 2300 cm C. 203 cm D. 230 cm

Page 1 of 4

Bài 7. Chọn phương án sai:

- A. 5 phút = 180 giây B. 2dm = 20cm
C. Tháng 5 có 31 ngày D. Đường kính dài gấp đôi bán kính

Bài 8. Kết quả của phép chia $3669 : 3$ là

- A. 1221 B. 1222 C. 1223 D. 1224

Bài 9. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng : Đồng hồ chỉ mấy giờ ?

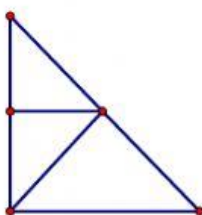


- A. 10 giờ 2 phút B. 2 giờ 50 phút C. 10 giờ 10 phút D. 2 giờ 10 phút

Bài 10. Kết quả phép tính $86149 + 12735$ là:

- A. 98885 B. 98874 C. 98884 D. 98875

Bài 11. Hình vẽ bên có bao nhiêu hình tam giác



- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Bài 12. Ngày 23 tháng 4 là ngày thứ sáu. Vậy ngày Quốc tế thiếu nhi 1 tháng 6 là thứ mấy?

- A. Thứ hai B. Chủ nhật C. Thứ tư D. Thứ bảy

Bài 13. Kết quả của phép tính: 10303×4 là:

- A. 69066. B. 45733. C. 41212. D. 5587.

Bài 14. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm để $8m\ 6\ cm = \dots\ cm$ là

- A. 86. B. 806. C. 860. D. 8006.

Bài 15. Từ 7 giờ kém 20 phút đến 7 giờ 5 phút là :

- A. 15 phút B. 20 phút C. 25 phút D. 10 phút

Bài 16. Đúng ghi Đ, sai ghi S

$$37 - 5 \times 5 = 12$$

$$13 \times 3 - 2 = 13$$

Bài 17. Số 17934 đọc là:

- A. Mười bảy nghìn chín trăm ba tư B. Mười bảy nghìn ba trăm chín mươi tư
C. Mười bảy nghìn chín ba tư D. Mười bảy nghìn chín trăm ba mươi tư

Bài 18. Giá trị của biểu thức $1320 + 2112 : 3$ là:

- A. 2024 B. 2042 C. 2204 D. 2124

Bài 19. Có 36 bạn xếp được 4 hàng. Hỏi có 54 bạn thì xếp được bao nhiêu hàng như thế?

- A. 6 hàng B. 8 hàng C. 12 hàng D. 18 hàng

Bài 20. Điền số thích hợp vào ô trống:

Một cửa hàng có 9612m vải. Đã bán được $\frac{1}{4}$ số vải. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu mét vải?

mét vải.

Bài 21. Điền số thích hợp vào ô trống:

Có 16560 viên gạch xếp đều lên 8 xe tải. Hỏi 3 xe tải đó chở được bao nhiêu viên gạch?

viên gạch.

Bài 22. Điền số thích hợp vào ô trống:

Hình chữ nhật ABCD có chiều dài bằng 16cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

cm².

Bài 23. Điền số thích hợp vào ô trống:

Mua 5 quyển vở hết 35 000 đồng. Hỏi nếu mua 3 quyển vở như thế thì hết bao nhiêu tiền?

đồng.

Bài 24. Điền phép tính nhân và chia thích hợp vào ô trống :

$$24 \square 6 \square 2 = 8$$

A. $24 : 6 \times 2 = 8$

B. $24 \times 6 : 2 = 8$

C. $24 : 6 : 2 = 8$

D. $24 \times 6 \times 2 = 8$

Bài 25. Một hình vuông có chu vi 12cm. Tính diện tích hình vuông đó.

A. 36cm²

B. 12cm²

C. 9cm²

D. 16cm²